

Bài tập 1/29: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

- Bước 1: Xác định chủ từ: số ít (+is), số nhiều (+are)
- Bước 2: Xác định thể (xác định, phủ định, nghi vấn)
- Bước 3: Thêm "ing" vào động từ (chú ý nguyên tắc thêm "ing")

1. Nam _____ (read) a book now.
2. They _____ (play) football at the moment.
3. My sister _____ (not make) a sandwich at present.
4. I (go) _____ to the supermarket at the moment.
5. They _____ (talk) about their new friends?

Bài tập 2/29: Viết câu hoàn chỉnh theo công thức thì hiện tại tiếp diễn

- Bước 1: Xác định chủ từ: số ít (+is), số nhiều (+are)
- Bước 2: Xác định thể (xác định, phủ định, nghi vấn)
- Bước 2: Thêm "ing" vào động từ (từ đầu tiên trong ngoặc đơn, chú ý nguyên tắc thêm "ing")

Grammar **The present continuous**

2 Look at the pictures. Write sentences like the example. Use positive or negative present continuous verbs.

		
She's talking to Mai. (talk)	1. Nam and Ba _____. (eat ice cream)	2. Lan and Trang _____. (take photos)
		
3. Ha _____. (write a letter)	4. Duong and Hung _____. (play badminton)	5. Phong _____. (draw a picture)

Bài tập 3/ 30: Viết câu hỏi và câu trả lời

- Bước 1: Xác định phần trước gạch chéo là chủ từ số ít (Viết Is đầu câu), số nhiều (Viết Are đầu câu)
- Bước 2 : Thêm "ing" vào động từ (Chú ý nguyên tắc thêm "ing")

Bước 3: Viết câu trả lời (Căn cứ theo tranh và nghĩa của động từ để trả lời “Yes” hoặc “No”)

Grammar The present continuous

3 Work in pairs. Look at the pictures. Ask and answer.

 A: your sister / make a cake? → Is your sister making a cake? B: Yes, she is.	 A: your friend / swim? → _____ B: _____.	 A: they / listen to music? → _____ B: _____.
 A: Mi / play the piano? → _____ B: _____.	 A: they / learn English? → _____ B: _____.	 A: your friends / cycle to school? → _____ B: _____.

Bài tập 4/ 30: Chia động từ trong ngoặc theo thì hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn

- Bước 1: Xác định thì căn cứ theo dấu hiệu nhận biết

+ Hiện tại đơn: Always, usually, often, sometimes, never, every, today.

+ Hiện tại tiếp diễn: Now, at the moment, at present. Look!, Listen!, Be careful!

- Bước 2: Chia hình thức đúng của động từ theo đúng thì.

1. My best friend (not walk) _____ to school every day. Sometimes she (cycle) _____.

2. Look! What _____ he (play) _____?

3. your friends and you (study) _____ in the library every afternoon?

4. I (write) _____ an email to my friend now.

5. He (not do) _____ his homework now. He (read) _____.